

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ngày 07 tháng 02 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 16 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao cho Phòng Tư pháp huyện tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện làm thủ tục công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Báo cáo Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội kết quả công nhận theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tư pháp huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- TT. Huyện ủy, HĐND huyện;
- Lưu: VT, TP.



CHỦ TỊCH

Lê Thanh Nam

DANH SÁCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
(Kèm theo Quyết định số 881 /QĐ-UBND ngày 08/02/2023)

STT	Tên xã, thị trấn	Điểm của từng tiêu chí					
		Tổng điểm (Đã làm tròn)	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Thị trấn Phùng	88	10	25	14	16	23
2	Đan Phượng	91,5	9	27,5	15	18	22
3	Song Phượng	90,25	10	26,5	12,75	18	23
4	Đồng Tháp	91	10	26	15	17	23
5	Phượng Đình	93	10	27	15	18	23
6	Thọ Xuân	88,5	9	26,5	15	15	23
7	Thọ An	87	9	27	15	18	18
8	Trung Châu	93,5	10	26,5	15	19	23
9	Tân Lập	91,25	10	27,5	13,75	17	23
10	Tân Hội	92,5	10	27,5	15	17	23
11	Thượng Mỗ	91,5	10	28	13,5	17	23
12	Hạ Mỗ	93	10	27	15	18	23
13	Liên Hà	89	10	25,5	13,5	17	23
4	Liên Trung	89,5	9	27	13,5	17	23
15	Liên Hồng	88,5	10	24,5	15	16	23
16	Hồng Hà	91	10	26	15	17	23